

Số: 24 /NQ-HĐND

Long Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương
trên địa bàn phường Long Bình năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG BÌNH
KHÓA VI KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Xét Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 23/12/2025 của UBND phường Long Bình về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn phường Long Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường Long Bình; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương trên địa bàn phường Long Bình năm 2026 như sau:

1. TỔNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Đvt: triệu đồng

1. Nhiệm vụ thu ngân sách phường	896.254
a. Thu CTN-NQD, trong đó:	542.334
Thuế giá trị gia tăng	445.600
Thuế tiêu thụ đặc biệt	734

Thuế thu nhập doanh nghiệp	96.000
b. Thuế thu nhập cá nhân	119.000
c. Lệ phí trước bạ :	95.000
Trong đó, cân đối lệ phí trước bạ	95.000
d. Phí lệ phí	2.800
Trong đó, cân đối phí lệ phí	1.300
e. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	22.120
f. Tiền thuê đất	3.000
Trong đó, cân đối tiền thuê đất	3.000
g. Thu tiền sử dụng đất	90.000
Trong đó, thu tiền sử dụng trong dân	90.000
i. Thu khác ngân sách	22.000
Trong đó, cân đối thu khác ngân sách	8.000
2. Nguồn thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh	184.548

2. NGUỒN THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH

Đvt: triệu đồng

1. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	520.797
Các khoản thu 100%	126.420
Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)	394.377
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	184.548

3. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Đvt: triệu đồng

1. Chi đầu tư	157.643
- Nguồn tập trung	51.128
- Nguồn tiền sử dụng đất	72.000
- Nguồn xổ số	34.515
- Chi khoa học công nghệ	0
2. Chi thường xuyên	532.518
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	329.370
- Chi khoa học công nghệ	20.500
- Chi sự nghiệp, quản lý hành chính, chi khác	182.648
3. Dự phòng	15.184

(Chi tiết các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND phường Long Bình căn cứ các quy định của pháp luật về tài chính tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy định pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân phường theo quy định.

Nguyễn Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG LONG BÌNH



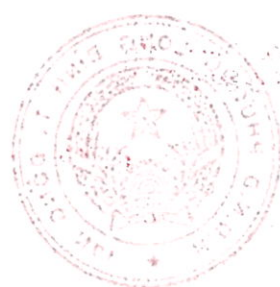
Biểu mẫu số 15
Theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	705,345
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	520,797
1	Thu NSDP hưởng 100%	126,420
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	394,377
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	184,548
B	TỔNG CHI NSDP	705,345
I	Tổng chi cân đối NSDP	705,345
1	Chi đầu tư phát triển	157,643
2	Chi thường xuyên	532,518
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Chi giáo dục và đào tạo</i>	329,370
-	<i>Chi khoa học công nghệ</i>	20,500
3	Dự phòng ngân sách	15,184





Biểu mẫu số 16
Theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

ĐU TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách xã được hưởng	Dự toán thu ngân sách Tỉnh giao năm 2026		Dự toán thu ngân sách Xã giao năm 2026		So sánh %	
			Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH		896,254	520,797	896,254	520,797	100%	100%
*	<i>Tổng thu ngân sách (không kể thu tiền sử dụng đất)</i>		806,254	448,797	806,254	448,797	100%	100%
1	Thu từ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		542,334	319,977	542,334	319,977	100%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	59%	445,600	262,904	445,600	262,904		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	59%	734	433	734	433		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	59%	96,000	56,640	96,000	56,640		
-	Thuế tài nguyên	100%	0	0	0	0		
2	Thuế thu nhập cá nhân		119,000		119,000		100%	
3	Thu tiền sử dụng đất	80%	90,000	72,000	90,000	72,000	100%	100%
4	Thu tiền cho thuê đất	80%	3,000	2,400	3,000	2,400	100%	100%
-	<i>Trong đó, thu cân đối ngân sách</i>		3,000	3,000	3,000			
5	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100%	22,120	22,120	22,120	22,120	100%	100%
6	Thu lệ phí trước bạ	100%	95,000	95,000	95,000	95,000	100%	100%
7	Thu các loại phí, lệ phí		2,800	1,300	2,800	1,300	100%	100%
-	<i>Trong đó, thu cân đối ngân sách</i>	100%	1,300	1,300		1,300		
8	Thu khác ngân sách		22,000	8,000	22,000	8,000	100%	100%
-	<i>Trong đó, thu cân đối ngân sách</i>	100%	8,000	8,000		8,000		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi ngân sách Tỉnh giao năm 2026	Dự toán chi ngân sách Xã giao năm 2026	So sánh %
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	495,591	495,591	100.00%
I	Chi đầu tư phát triển	157,643	157,643	100.00%
1	Chi đầu tư cho các dự án	157,643	157,643	100.00%
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	322,764	322,764	100%
	Trong đó			
-	Chi giáo dục và đào tạo	329,370	329,370	100%
-	Chi khoa học công nghệ	20,500	20,500	100%
III	Dự phòng ngân sách	15,184	15,184	100%



